TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **878**/2025/HS-PT
Ngày 20 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Huy

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hồng

Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Thư ký phiên toà*:* Ông Nguyễn Đăng Khoa **-** *Thư ký Toà án;*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:* Bà Lê Thị Thu Hương - *Kiểm sát viên.*

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 712/TLPT-HS ngày 11/8/2025 đối với bị cáo Phương Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2025/HS-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Phương Văn T, năm sinh: 1989; Nơi ĐKHKTT: Tổ A phường B, TP. Hà Nội *(Trước đây là: Tổ 18, phường T, quận L, TP. Hà Nội); Nơi ở: Thôn K, xã M, tỉnh Quảng Ngãi (Trước đây là: Thôn K, xã M, huyện K, tỉnh KonTum)*; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Điều dưỡng viên; Con ông: Phương Văn P, sinh năm: 1962; Con bà: Vũ Thị L, sinh năm: 1969; Vợ: Trần Thị N, sinh năm: 1991 (đã ly hôn); Có 04 con, sinh các năm 2013, 2015, 2019, 2022; Tiền án, tiền sự: Bản án số 144/2024/HSST ngày 25/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, TP . xử 05 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, 03 năm tù về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*; Bị cáo hiện đang Chấp hành án tại Phân trại 3, Trại giam P1 Bộ C1; *Có mặt*.

**** Bị hại:*** Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1976, trú tại: Tổ B phường B, TP. Hà Nội (*Trước đây là: Tổ B, phường T, quận L, TP. Hà Nội)*; *Có mặt*.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1991, trú tại: Số A phố Đ, phường B, TP. Hà Nội *(Trước đây là Số A phố Đ, phường Đ, quận L, TP. Hà Nội)*; *Có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phương Văn T là hàng xóm với anh Nguyễn Văn H, SN: 1976, C ở: Tổ B, phường T, quận L, TP. Hà Nội. Ngày 01/02/2023, T vay 200.000.000 đồng của anh H (lãi suất 1.500 đồng/1 triệu/1 ngày) để sử dụng vào việc cá nhân và cam kết sau 02 tháng sẽ trả cả tiền gốc và tiền lãi. Ngày 09/3/2023, T tiếp tục vay thêm của anh H 200.000.000 đồng với thỏa thuận như trên.

Do điều kiện làm ăn gặp nhiều khó khăn, đến hạn T chưa trả được cho anh H khoản nợ 400.000.000 đồng như đã thỏa thuận, khoảng giữa tháng 04/2023, T hỏi vay thêm của anh H 400.000.000 đồng nữa nhưng anh H yêu cầu phải có tài sản đảm bảo thì anh H mới cho vay thêm.

Lúc này T đã không có khả năng thanh toán nhưng do cần tiền để trả nợ nên T nảy sinh ý định thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 167(2) - 10, tờ bản đồ số 2, diện tích 76,3 m^2, địa chỉ: tổ A, T, L, Hà Nội, Giấy chứng nhận gốc số: BĐ 439939 mang tên vợ T là chị Trần Thị N, SN: 1991, HKTT : Tổ A phường T, quận L, Hà Nội (Hiện Giấy CN này đang được chị N thế chấp tại Ngân hàng V1 chi nhánh C2 từ năm 2021) mục đích để làm tài sản đảm bảo đưa cho anh H để anh H tưởng là thật và cho T vay tiền.

Ngay khi nảy sinh ý định, T tự tìm số điện thoại của người làm giả giấy tờ, sử dụng sim rác để kết bạn zalo nhắn tin với người này. T gửi hình ảnh Giấy chứng nhận gốc số: BĐ 439939, yêu cầu người này xóa và để trắng « mục IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận » ; Thay đổi tên người sở hữu ở mục « I.Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất » thành tên của vợ chồng ông Phương Văn T và bà Trần Thị N ; Để trống ngày cấp, sau khi nhận được sổ giả T điền thành cấp ngày 05/5/2020. T khai thuê làm giả với giá 800.000 đồng, T không nhớ tên, số điện thoại và đã vứt sim, xóa toàn bộ dữ liệu đồng thời bán chiếc điện thoại đã liên lạc với người làm giả giấy tờ. T nhận Giấy chứng nhận giả qua một người shipper tại cổng bệnh viện V2 số A P, P. H, quận H, Hà Nội.

Sau khi làm xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nói trên, ngày 17/4/2023, T đến nhà anh H ở tổ B phường T đưa cho anh H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM015692 do UBND quận L cấp ngày 05/5/2020, thửa đất 167(2) - 10, tờ bản đồ số 2, diện tích 76,3 m^2, địa chỉ: tổ A, T, L, Hà Nội đứng tên vợ chồng T- Ngà. T nói với anh H đây là sổ đỏ của vợ chồng T, không

có tranh chấp, chưa bán hoặc thế chấp cho cá nhân, tổ chức nào. Tin lời T, anh H mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T đi đánh máy 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng nhà đất đề ngày 17/4/2023, bên bán Phương Văn T, bên mua Nguyễn Văn H; 01 bản cam kết về tài sản đề ngày 17/4/2023. T đã kí vào các văn bản trên và anh H cho T vay tiếp 400.000.000 đồng. T khai tại thời điểm này T không có công ăn việc làm ổn định, không có khả năng thanh toán tiền trả cho H, nếu không làm sổ đỏ giả đưa cho H thì H sẽ không tin tưởng cho T vay tiếp 400.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền của anh H, T đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân và trả nợ hết sau đó T bỏ trốn vào Kon Tum. Đến hạn trả nợ, anh H đã nhiều lần đòi tiền T nhưng T khất nợ, Đến tháng 11/2023, T cắt liên lạc với anh H nhằm mục đích chiếm đoạt tiền và trốn tránh việc trả nợ như thỏa thuận.

Do không liên lạc được với Phương Văn T, ngày 03/01/2024, anh Nguyễn Văn H đã làm đơn tố cáo T có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Công an quận L, Hà Nội.

Anh Nguyễn Văn H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an quận L những tài liệu sau:

- 01 GCN quyền sử dụng đất số CM 015692 đề ngày 05/5/2020 có chữ ký tươi của Chủ tịch UBND quận L Đỗ Mạnh H1 đứng tên Phương Văn T và Trần Thị N (bản gốc);

- 02 Giấy nhận tiền đề ngày 01/2/2023 và 9/3/2023 đứng tên Phương Văn T (bản gốc);

- 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhường nhà đất đối với bất động sản có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 015692 đứng tên Phương Văn T và vợ là Trần Thị N đề ngày 17/4/2023, bên bán Phương Văn T, bên mua Nguyễn Văn H (chữ ký đề tên Phương Văn T photo);

- 01 Bản cam kết về tài sản (nhà, đất) đề ngày 17/4/2023.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận L đã tiến hành xác minh tại Văn phòng Đ – Chi nhánh L1 về nguồn gốc GCNQSDĐ số CM 015692 được cung cấp thông tin:

- GCNQSDĐ, QSHNO và TSKGLVĐ số CM 015692 được Sở TN và MT thành phố H cấp ngày 22/3/2018 cho ông Nguyễn Hữu V, bà Dương Thị Hồng N1, thửa đất số 150 – 2(1), tờ bản đồ số 9, địa chỉ: tổ F, P, L, Hà Nội.

- Thửa đất số 167 (2) -10, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: tổ A, T, L, Hà Nội được UBND quận L cấp cho ông Trần Hồng K, bà Ngô Thị M. Ngày 05/5/2020 ông K, bà M tặng cho Trần Thị N – SN 1991, địa chỉ : Tổ A, T, L, Hà Nội.

Tại Bản kết luận giám định số 4662/KL-KTHS ngày 27/6/2024 của Phòng KTHS – Công an Thành phố H kết luận :

1. Các chi tiết in trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 015692) với các chi tiết in trên phôi mẫu so sánh hiện lưu tại Phòng K1 **không được in ra từ cùng một mẫu thiết kế.**

2. Con dấu đóng ra hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN N.D QUẬN LONG BIÊN T.P HÀ NỘI" trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 (03 văn bản của UBND quận L phát hành) không đóng ra hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN N.D QUẬN LONG BIÊN T.P HÀ NỘI" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1. Hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN N.D QUẬN LONG BIÊN T.P HÀ NỘI" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 **được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.**

3. Chữ ký đứng tên Đỗ Mạnh H1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký đứng tên Đỗ Mạnh H1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 không phải là chữ do cùng một người ký ra. Chữ ký đứng tên Đỗ Mạnh H1 trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp ký trực tiếp.

4. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Phương Văn T (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định A2 (Bản cam kết về tài sản); chữ viết phần nội dung, chữ ký chữ viết dòng họ tên Phương Văn T (dưới chữ ký) trên các mẫu cần giám định ký hiệu A3 (Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng nhà đất), A4 (Giấy nhận tiền ngày 09/03/2023) với chữ ký, chữ viết đứng tên Phương Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M4 **là chữ do cùng một người ký và viết ra.**

* Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 (Giấy nhận tiền ngày 01/02/2023) với chữ viết đứng tên Phương Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M4 **không phải là chữ do cùng một người viết ra.**

* Người có mẫu chữ ký đứng tên Phương Văn T trên mẫu so sánh ký hiệu M4 (Bản tự khai của Phương Văn T) không ký ra chữ ký đứng tên Phương Văn T trên mẫu cần giám định ký hiệu A5. Chữ ký đứng tên Phương Văn T trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 **được tạo ra bằng phương pháp in laser.**

CQĐT Công an quận L tiến hành làm việc với chị Trần Thị N, chị N khai: Chị và Phương Văn T trước đây là vợ chồng, đã li hôn tháng 8/2023. Chị được bố mẹ đẻ tặng cho riêng cá nhân chị mảnh đất thuộc thửa số 167(2) - 10, tờ bản đồ số 2, diện tích 76,3 m^2, địa chỉ: tổ A, T, L, Hà Nội. Quá trình làm ăn kinh doanh, chị N đã thế chấp Giấy chứng nhận QSD đất nói trên tại NH VIB - Chi nhánh K2 để vay tiền, hiện chị còn nợ 883.000.000 đồng. Chị N không biết và không được hưởng lợi gì từ việc T làm giả Giấy CNQSD đất để vay tiền của anh H, chị N không cung cấp Giấy CNQSD đất của mảnh đất trên cho T, lý do T có thông tin về thửa đất là do khi thế chấp tại NH VIB chị N sử dụng thêm cả bảng lương của T nên T biết. Lời khai của chị N phù hợp với lời khai của Phương Văn T.

Đối tượng làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho T, do T khai không biết nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận L không đủ căn cứ để xác minh, làm rõ và xử lý.

Về dân sự: Anh H tự trao đổi thỏa thuận và chịu trách nhiệm với gia đình Phương Văn T, không yêu cầu đề nghị giải quyết.

Đối với số tiền 400.000.000 đồng Phương Văn T vay anh Nguyễn Văn H vào các ngày 01/2/2023 và 09/02/2023 là Giao dịch dân sự, không liên quan đến hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

*** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2025/HSST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội đã quyết định:** Tuyên bố bị cáo: Phương Văn T đã phạm các tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức";* Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 48, 55, 56 Bộ luật Hình sự 2015; Xử phạt bị cáo Phương Văn T 11 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và 04 năm tù về tội *"Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức"*. Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội là 15 năm tù. Tổng hợp với hình phạt 08 năm tù của Bản án số 144/2024/HSST ngày 25/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội đã xét xử bị cáo trước đó. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là: **23 (hai mươi ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2024. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phương Văn T phải bồi thường cho bị hại số tiền 400 triệu đồng. Bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2025, bị cáo Phương Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Bị cáo khai như đã khai tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra, công nhận đã thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo đã nhận thức rõ được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã tác động về gia đình bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại, xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại khai như đã khai tại cấp sơ thẩm, xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền 400 triệu đồng cho bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, cần được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. *Về nội dung*: Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* là có căn cứ, đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 11 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và 04 năm tù về tội *"Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức"*. Tổng hợp hình phạt chung của 2 tội là 15 năm tù và tổng hợp với hình phạt của bản án trước là 23 năm tù là phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới, bị hại xác nhận đã nhận được

toàn bộ khoản tiền bồi thường từ gia đình bị cáo, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo, xử phạt bị cáo từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 10 năm đến 11 năm tù. Tổng hợp hình phạt với hình phạt tại Bản án số: 144/2024/HSST ngày 25/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của bị cáo Phương Văn T được làm trong thời hạn luật định, đảm bảo về chủ thể kháng cáo theo Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Phương Văn T và anh Nguyễn Văn H là hàng xóm. Trong các ngày 01/02/2023 và 09/3/2023, T đã nhiều lần vay tiền của anh H với tổng số tiền là 400 triệu đồng. Đối với các lần vay tiền như trên của anh H, T đều trả nợ lãi cho số tiền này. Đến ngày 17/4/2023, do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân, biết không thể vay thêm tiền của anh H, T đã nảy sinh ý định gian dối làm giả giấy tờ, tài liệu để lừa dối anh H, nhằm mục đích để được anh H cho vay thêm tiền. T đã lên mạng internet, tìm thuê người không quen biết làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng là Trần Thị N và Phương Văn T với giá 800.000 đồng. Sau khi làm giả được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T đã đưa giấy đó cho anh H, nói dối là giấy thật, cầm cố` cho anh H để anh H tin tưởng cho T vay thêm 400 triệu đồng. Số tiền trên T đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết, đến tháng 11/2023, T bỏ trốn, cắt liên lạc

với anh H để chiếm đoạt của anh H 400 triệu đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự quản lý hành chính của Nhà nước đối với con dấu, tài liệu. Bị cáo đã làm giả giấy tờ, tài liệu là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và dùng giấy tờ giả này tạo niềm tin cho bị hại, để bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo. Từ đó bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền 400 triệu đồng. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực tội phạm. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét kháng cáo của bị cáo trong vụ án:

Sau khi xét xử bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Trong vụ án này, bị cáo đã phạm hai tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* có khung hình phạt cao. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự đồng thời rút đơn tố giác đối với bị cáo để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo 11 năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và 04 năm tù về tội *"Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức",* tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 15 năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới là bị cáo đã tác động về gia đình bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại. Tại phiên toà, bị hại xác nhận đã nhận được toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với tội *"Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức"* mức hình phạt của bản án sơ thẩm là phù hợp nên cần giữ nguyên.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[2.2] Về các nội dung khác

- Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phương Văn T về việc xin giảm nhẹ hình phạt. Sửa Bản án sơ thẩm số 105/2025/HS-ST ngày 28/5/2025 của Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội về phần hình phạt đối với bị cáo, cụ thể như sau:

- Tuyên bố bị cáo: Phương Văn T phạm các tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 48, 55, 56 Bộ luật Hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo: Phương Văn T **07 (bảy) năm tù** về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và **03 (ba) năm tù** về tội *"Làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan tổ chức",* tổng hợp hình phạt chung của hai tội là **10 (mười) năm tù**. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 08 (tám) năm tù của Bản án số 144/2024/HSST ngày 25/10/2024, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội. Buộc bị cáo Phương Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **18 (mười tám) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2024.

- Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Phương Văn T đã bồi thường toàn bộ số tiền 400.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Văn H theo quyết định của bán án sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Áp dụng: khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Phương Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Huy

Nơi nhận:
- TAND tối cao (Vụ 1);
- VKSND tối cao;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- TAND khu vực 5;
- VKSND khu vực 5;
- Thi hành án dân sự TP. Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng